

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **93/2024/HS-ST**

Ngày: 13/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Huyền Thu**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thu Hồng**

Bà Chu Thị Tuyết

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Hằng Nga**- Thư ký Tòa
án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Ông Trương Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2024/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/HSST – QĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn T** - sinh năm 2004; tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Ngô Văn T1 và bà: Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000000498 do Công an quận T lập ngày 29/11/2023; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Bà Trần Thị T2, sinh năm 1968 (Đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại: chị Lưu Thị N, sinh năm 1991, Trú tại: Xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1983, Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

Người làm chứng: Bà Trần Thị D1, sinh năm 1965, T3 tại: Xóm M, xã Y, Đ, Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 20/11/2023, Ngô Văn T điều khiển xe xe mô tô Honda SH màu trắng mang biển kiểm soát: 29X5 – 721.24 với tốc độ khoảng 50km/giờ đi ở làn đường dành cho xe buýt nhanh BRT thuộc đường L. Khi đi đến khu vực ngang đầu đường L, do không tập trung, không chú ý quan sát nên T đã đâm vào bà Trần Thị T2 (Sinh năm: 1968; Nơi thường trú: Xóm M, V, Đ, Thái Nguyên) và bà Trần Thị D1 (Sinh năm: 1965; Nơi thường trú: Xóm M, V, Đ, Thái Nguyên) đang đi bộ qua đường L (vị trí va chạm ở làn đường dành cho xe buýt nhanh BRT). Sau va chạm, bà T2 bị ngã ra đường nằm bất động còn bà D1 bị xây xát nhẹ, đứng dậy được, T ngã xuống đường và bị xây xát nhẹ ở chân. Sau đó, Ngô Văn T đã gọi xe cấp cứu và đưa hai người đi cấp cứu ở Bệnh viện A – Bộ C và gọi điện thông báo cho gia đình mình đến viện để thăm hỏi nạn nhân còn T về Đội Cảnh sát giao thông số 7 - Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H để làm việc.

Ngày 21/11/2023, Ngô Văn T đã đến Công an quận T đầu thú và đến ngày 22/11/2023 bà Trần Thị T2 tử vong tại nhà riêng (xóm M, V, Đ, Thái Nguyên).

Cơ quan điều tra thu giữ của Ngô Văn T:

“- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 29006017, của xe mô tô, xe gắn máy biển số: 29X5-721.24.

- 01 xe mô tô Honda SH màu trắng mang biển số: 29X5 – 721.24 đã qua sử dụng”.

Qua kiểm tra xác định khi tham gia giao thông, T không sử dụng chất ma túy, không có nồng độ cồn trong hơi thở, T không có giấy phép lái xe mô tô, xe gắn máy.

Tại Biên bản dựng lại hiện trường ngày 28/11/2023 của Cơ quan CSĐT- CA quận T xác định:

“Hiện trường xảy ra sự việc tại đường L hướng đi Khu Á là đường một chiều rộng 11,4 mét được chia làm 03 làn đường dành cho xe cơ giới trong đó có làn đường riêng dành cho xe bus nhanh BRT bằng bê tông rộng 3,7 mét, vị trí xảy ra tai nạn thuộc làn đường xe bus nhanh BRT (trước tòa nhà N N).

Xe mô tô Honda SH màu trắng mang biển số: 29X5 – 721.24 đổ nghiêng trái trực sau cách mép dải phân cách cứng 2,0 mét, trực trước cách mép dải phân cách cứng 2,2 mét.

Nạn nhân Trần Thị T2 ngã nằm nghiêng phải đầu quay về phía đường K cách cách mép dải phân cách cứng 2,3 mét, chân cách mép dải phân cách cứng 2,2 mét và cách trực bánh trước xe mô tô là 1,4 mét.

Vị trí xảy ra tai nạn không có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường và không dành cho xe mô tô.”

Kết quả khám nghiệm dấu vết va chạm trên xe mô tô Honda SH màu trắng mang biển số: 29X5 – 721.24

“1. Dấu vết phương tiện

Tại mặt ngoài ốp xi nhan ốp bên phải phía trước bị vỡ, bung bật, lõm, phía dưới yếm chắn gió bên phải bị nứt vỡ trên diện (30x13) cm, điểm thấp nhất cách đất 67cm, điểm cao nhất cách đất 90 cm.

Tại mặt ngoài yếm chắn gió phía trước bên trái bị trầy xước mất sơn, vết có chiều từ trước về sau trên diện (23x3) cm, điểm thấp nhất đo cách đất 74cm, điểm cao nhất đo cách đất 90 cm.

Tại ốp tay phanh bên trái có vết trượt xước làm mất nhựa màu đen, có chiều từ trước về sau, trên diện (10x5) cm, điểm thấp nhất đo cách đất 102cm, điểm cao nhất đo cách đất 108 cm.

Tại đầu tay phanh bên trái, tay nâng bên trái có vết trượt xước làm lộ kim loại còn mới, vết có chiều từ trước về sau do va chạm với mặt đường.

Tại mặt ngoài ốp đỡ chân phía trước bên phải bị bung bật nhựa, vết trên diện 30 cm.

2. Kỹ thuật an toàn phương tiện

Không lắp gương chiếu hậu, xe có lắp còi, đèn, xi nhan hoạt động bình thường, hệ thống phanh xe có hiệu lực”.

Tại Bản kết luận giám định số 8863/KL- KTHS ngày 27/12/2023 của V - Bộ C kết luận về dấu vết va chạm và tốc độ xe mô tô Honda SH biển số: 29X5 – 721.24 như sau:

“Dấu vết gây vỡ đèn xin đường phía trước, yếm chắn gió phía trước bên phải xe có chiều từ trước về sau (ảnh 4 trong bản ảnh giám định).

Dấu vết trượt xước ở ốp nhựa đầu xe, đầu tay phanh, sàn đỡ chân trước, yếm chắn gió, tay nâng sau bên trái xe có chiều từ trước về sau (ảnh 6, 7, 8, 9 trong bản ảnh giám định). Các dấu vết này có đặc điểm giống với đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với mặt đường khi xe mô tô biển số 29X5. 721.24 đã đổ nằm nghiêng bên trái trên mặt đường.

Không xác định được tốc độ của xe mô tô biển số: 29X5 – 721.24 ngay trước khi xảy ra tai nạn giao thông”.

Về nguyên nhân tử vong của bà Trần Thị T2:

Qua khám ngoài tử thi xác định trên tử thi nạn nhân có các dấu vết: Vùng trán đỉnh thái dương chẩm trái có vết rách da còn chỉ khâu kích thước 34cm x 1cm, vùng đỉnh có 02 ống dẫn lưu, sờ nắn thấy khuyết xương vùng trán đỉnh thái dương trái, hai lỗ tai có ít máu khô, hai lỗ mũi có ít máu, bầm tím niêm mạc môi dưới kích thước 3cm x 1cm, vùng cổ phải có 01 vết thủng da kích thước 0,2 cm x 0,2cm (dạng dấu vết kim tiêm), bầm tím da vùng ngực trái kích thước 2cm x 2cm, bầm tím da vùng ngực trái sát hõm nách trái kích thước 7cm x 5cm; ngoài ra các một số vết bầm tím, sây sát da ở tay phải, tay trái, đùi; bầm tím da mông phải và mông trái....

Tại Bản kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số: 04/03/KLTTHS- TTPY ngày 10/01/2024 của Trung tâm P kết luận:

“Căn cứ bản sao y scanner Sọ não, phim CT Bệnh án mã vào viện 473741 của Bệnh viện A1 – Bộ C; Phim CT scanner Cột sống cổ, CT – scanner Lồng ngực bệnh nhân Trần Thị T2 ngày 21/11/2023 của Bệnh viện 19.8 – Bộ C nhận định: Nạn nhân Trần Thị T2, sinh năm: 1968 nhiều khả năng tử vong do: Chấn thương sọ não nặng, đã phẫu thuật giải áp, lấy máu tụ không đáp ứng dẫn đến suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục” (Bút lục số 201-206).

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Văn T khai nhận: Vào chiều ngày 20/11/2023 trong lúc bố mẹ đi làm không ở nhà T đã tự lấy xe mô tô Honda SH màu trắng biển số: 29X5 – 721.24 của bố để là ông Ngô Văn T1 (SN: 1983, HKTT: Thôn C, Đ, H, Hà Nội) để đi ra ngoài chơi. Việc T điều khiển xe mô tô ra ngoài đường không ai biết do chỉ có một mình T ở nhà. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn ở đường Nguyễn Thị Đ thì T điều khiển chiếc xe mô tô trên đi về nhà và đã xảy ra tai nạn giao thông. Sau tai nạn, T chỉ bị xây xát nhẹ ở chân nên không đi khám thương và không có yêu cầu đề nghị gì. Ngô Văn T khai nhận chưa học lái xe mô tô nên không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định, đi không đúng làn đường và không chú ý quan sát nên đã gây ra vụ tai nạn giao thông như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi bị khởi tố về hình sự, Ngô Văn T còn có lỗi vi phạm về hành chính: Điều khiển xe mô tô Honda SH biển số: 29X5 – 721.24 không có gương chiếu hậu bên trái người điều khiển và không có Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực. Ngày 25/01/2024 Công an quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ngô Văn T về các hành vi trên quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 17 và điểm a Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ, tổng mức tiền phạt: 300.000 đồng.

Đối với bà Trần Thị D1 (là chị gái của bà Trần Thị T2), bà D1 đã khai báo với Cơ quan điều tra toàn bộ sự việc như đã nêu trên. Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, bà Trần Thị D1 chỉ bị xây xát nhẹ nên đã không nhập viện, tự điều trị, từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự. Quá trình điều tra xác định bà D1 có lỗi đi bộ qua đường không đúng nơi quy định vi phạm Khoản 2 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ và Đ1 a Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Ngày 26/02/2024, Công an quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị D1 về hành vi trên mức phạt 80.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô Honda SH màu trắng mang biển số: 29X5-721.24, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Ngô Văn T1. Khi T lấy xe đi, ông T1 và gia đình không biết ai giao xe cho T. Ngày 15/12/2023, Cơ quan CSĐT - Công an quận T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Ngô Văn T1 chiếc xe mô tô Honda SH nêu trên cùng đăng ký xe.

Quá trình điều tra, không đủ căn cứ chứng minh có người khác giao chiếc xe mô tô trên cho Ngô Văn T – là người không đủ điều kiện điều khiển gây tai nạn giao thông nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Về bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, hai bên đã tự nguyện hòa giải và hỗ trợ bồi thường dân sự, đại diện gia đình nạn nhân là chị Lưu Thị N (con gái bà Trần Thị T2) có đơn đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can Ngô Văn T.

Từ những nội dung trên, bản cáo trạng số 64/CT-VKSTT ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố Ngô Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Ngô Văn T giữ nguyên lời khai, thừa nhận nội dung cáo trạng, tội danh mà VKS truy tố là đúng. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đề nghị Tòa án cho bị cáo được sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân giữ quyền công tố tại phiên tòa một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s Khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Ngô Văn T mức án 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 05 năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Phần dân sự không xem xét do các bên đã thỏa thuận bồi thường xong và không có yêu cầu gì khác.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Ngô Văn T đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4 và người làm chứng bà Trần Thị D1 vắng mặt. Xét thấy, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không làm cản trở đến việc xét xử bị cáo nên căn cứ Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi và tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm dấu vết các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 05 phút ngày 20/11/2023, Ngô Văn T điều khiển xe mô tô Honda SH màu trắng mang biển kiểm soát: 29X5 – 721.24 không có giấy phép lái xe và không đi đúng làn đường quy định trên đường L tại làn đường BRT theo hướng từ đường L về Khu Á thuộc phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Khi đến khu vực ngang tòa nhà N Khu đô thị T – Nhân Chính do không chú ý quan sát, T đã đâm vào bà Trần Thị T2 và bà Trần Thị D1 đi bộ qua đường không đúng nơi quy định, hậu quả là bà T2 ngã xuống đường, đa chấn thương và tử vong sau khi được đi cấp cứu tại bệnh viện A2 Bộ công an, bà D1 bị xây sát nhẹ. Ngày 22/11/2023, bà T2 đã tử vong, hành vi của Ngô Văn T đã vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt quy

định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn khi tham gia giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo điều khiển xe chuyên hướng không đủ điều kiện an toàn vi phạm vào khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ là nguyên nhân dẫn đến đâm vào bà Trần Thị T2 đi bộ không đúng phần đường dành cho người đi bộ lại làm xảy ra tai nạn. Hậu quả bà Trần Thị T2 chết nên cần xử lý bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để quyết định hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải, khi tai nạn bị cáo rất có trách nhiệm đưa bị hại đi cấp cứu, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường theo yêu cầu của gia đình người bị hại; Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú; Gia đình có công với cách mạng, ông nội của bị cáo là người tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, nhân thân tốt, phạm tội do lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Lỗi gây ra tai nạn là lỗi hỗn hợp của bị cáo và bị hại. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm trong cộng đồng.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại đã nhận đầy đủ bồi thường và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô Honda SH màu trắng mang biển số: 29X5-721.24, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Ngô Văn T1. Khi T lấy xe đi, ông T1 và gia đình không biết ai giao xe cho T. Ngày 15/12/2023, Cơ quan CSĐT - Công an quận T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Ngô Văn T1 chiếc xe mô tô Honda SH nêu trên cùng đăng ký xe nên HĐXX cần chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với bà Trần Thị D1 (là chị gái của bà Trần Thị T2), bà D1 đã khai báo với Cơ quan điều tra toàn bộ sự việc như đã nêu trên. Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, bà Trần Thị D1 chỉ bị xây xát nhẹ nên đã không nhập viện, tự điều trị, từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự. Quá trình điều tra xác định bà D1 có lỗi đi bộ qua đường không đúng nơi quy định vi phạm Khoản 2 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ và Đ1 a Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Ngày 26/02/2024, Công an quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị D1 về hành vi trên mức phạt 80.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Ngô Văn T** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

Xử phạt: Ngô Văn T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Ngô Văn T cho UBND xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Viện KSND quận Thanh Xuân;
- Công an quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huyền Thu

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo Thái H1 B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b và điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo cũng bị thương với tỷ lệ 38%, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, bị cáo thường xuyên tham gia công tác xã hội, được chính quyền địa phương khen tặng. Người bị hại có nồng độ cồn trong máu (0,33mg/100ml), là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo Thái H1 B có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo B dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là đủ nghiêm. (Điều 54 BLHS)